

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/DS-ST.
Ngày: 23-11- 2018.
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hùng Em.
2. Ông Nguyễn Văn Sĩ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Như Ý, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thuần, Kiểm sát viên.

Ngày 23/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Văn T, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn T: Anh Trương Phước Đ, sinh năm 1981 (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/3/2018).

Địa chỉ: Số 40/5 Trần Thị N, khóm V, tổ 13, phường Y, Thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

- Bị đơn:

1. Lê Trung H, sinh năm 1978, có đơn xin vắng mặt.
2. Đặng Thị T, sinh năm 1981, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Lê Thị Hồng T, sinh năm 1973, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn T là anh Trương Phước Đ trình bày:*

Ông T có cho chị T và anh H vay tổng cộng là 70.000.000đ, có làm biên nhận: Ngày 26/8/2013 số tiền 20.000.000đ, ngày 01/3/2014 số tiền 15.000.000đ, ngày 19/8/2014 số tiền 35.000.000đ. Sau khi vay chị T không trả gốc và không đóng lãi cho ông T. Đến ngày 05/12/2014 anh H có làm tờ cam kết với ông T là thừa nhận nợ gốc 70.000.000đ và tiền lãi từ lúc vay đến ngày cam kết là 7.000.000đ, tổng cộng là 77.000.000đ hứa trả trong vòng 7 tháng. Tuy nhiên, anh H và chị T không trả nợ đúng như cam kết mà đến thời điểm 15/9/2016 (dương lịch) chỉ trả cho ông T được số tiền là 53.000.000đ sau đó thì ngưng không trả nữa.

Nay ông T thay đổi yêu cầu anh H và chị T cùng liên đới trả cho ông số tiền vay gốc còn thiếu là 17.000.000đ và yêu cầu tính lãi từ ngày 15/9/2016 (dương lịch) theo mức lãi suất 0,83%/tháng cho đến khi giải quyết xong vụ kiện. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn anh Lê Trung H trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản hợp lệ nhưng anh vẫn không đến Tòa nhưng anh có nộp tờ tường trình cho Tòa án có ý kiến như sau:* Anh không đồng ý trả số tiền gốc 17.000.000đ và tiền lãi cho ông T do số tiền trên chị T đã trả xong.

- *Bị đơn chị Đặng Thị T trình bày:* Chị T thừa nhận có vay của ông T tổng cộng số tiền là 70.000.000đ, đến ngày 05/12/2014 anh H có làm tờ cam kết với ông T là thừa nhận nợ gốc 70.000.000đ và tiền lãi từ lúc vay đến ngày cam kết là 7.000.000đ, tổng cộng là 77.000.000đ hứa trả trong vòng 7 tháng. Sau đó chị đi làm ăn ở Phú Quốc hàng tháng chị có gửi tiền về để trả cho ông T, việc gửi tiền thông qua chị T (con ông T) vì ông T để chị T đứng ra thu số tiền này cho ông, có lúc chị trực tiếp gửi tiền cho chị T, có lúc chị gửi những người quen đưa lại cho chị T để trả cho ông T, thời gian đầu mỗi tháng chị trả 5.000.000đ nhưng sau đó làm ăn khó khăn chị trả giảm số tiền xuống 4.000.000đ, 3.000.000đ, 2.000.000đ, 1.000.000đ/tháng. Chị không nhớ gửi trực tiếp cho chị T bao nhiêu lần và bao nhiêu tiền và gửi cho những người quen đưa lại cho chị T bao nhiêu lần và bao nhiêu tiền và lần trả cuối cùng là khi nào vì mỗi lần gửi tiền chị không làm giấy tờ gì với chị T hay ông T, nhưng chị cho rằng đến thời điểm hiện nay chị còn nợ lại ông T số tiền là 1.000.000đ chứ không phải 17.000.000đ, chị T có nhắn tin qua điện thoại xác nhận với chị nhưng những tin nhắn này chị đã xóa bỏ, không còn lưu lại. Ngoài ra có những người làm chứng biết được chị chỉ còn thiếu ông T 1.000.000đ do chị có gửi tiền cho những người này đưa chị T và nghe chị nói lại. Nay ông T yêu cầu chị và anh H liên đới trả số tiền gốc 17.000.000đ và tiền lãi chị không đồng ý mà chỉ đồng ý trả cho ông T 1.000.000đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Hồng T có đơn xin vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết tại Tòa án chị có trình bày:* Chị T và anh H thiếu ông T tổng cộng gốc và lãi là 77.000.000đ hứa trả trong vòng 7 tháng nhưng không thực hiện đúng cam kết vì ông T đòi nhiều lần nhưng chị T, anh H không trả nên ông T có nhờ chị đứng ra đòi số tiền này từ chị T và anh H. Sau đó chị T đi làm ở Phú Quốc có gửi tiền về cho chị để trả cho ông T, có lúc thì chị T đưa trực tiếp cho chị, có lúc thì gửi những người ở xóm đưa lại cho chị, chị nhận xong đều đưa lại cho ông T, thời gian đầu chị T gửi mỗi tháng 5.000.000đ sau đó chị T cho rằng làm ăn khó khăn nên có lúc gửi 4.000.000đ, 3.000.000đ, 2.000.000đ và 1.000.000đ mỗi lần chị T gửi tiền chị đều đem về đưa lại cho ông T để ông T ghi vào sổ theo dõi, chị không nhớ chính xác chị T gửi bao nhiêu lần và tổng cộng bao nhiêu tiền vì thời gian qua lâu quá nhưng lần cuối cùng chị T gửi là 1.000.000đ vào ngày 15/9/2016 (dương lịch). Chị cũng không có nhắn tin qua điện thoại cho chị T để xác nhận chị T chỉ còn thiếu lại ông T 1.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ theo trình tự thủ tục quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Lê Trung H và chị Đặng Thị T liên đới trả cho ông Lê Văn T số tiền gốc còn thiếu là 17.000.000đ và tiền lãi kể từ ngày 15/9/2016 (dương lịch) cho đến ngày xét xử (23/11/2018 dương lịch) với mức lãi suất là 0.83%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông T, địa chỉ tại ấp V, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với anh H và chị T, địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Xét thấy, người khởi kiện có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các Điều 186, 188, 189, 190 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn địa chỉ ấp V, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn anh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị T có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là anh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị T là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của ông T là anh Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu anh H và chị T cùng liên đới trả số tiền vay gốc còn thiếu là 17.000.000đ và yêu cầu tính lãi từ ngày 15/9/2016 (dương lịch) cho đến ngày xét xử hôm nay (ngày 23/11/2018 dương lịch) với lãi suất là 0.83%/tháng. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét thấy anh Đ cho rằng chị T và anh H có vay của ông T ba lần tổng cộng là 70.000.000đ cụ thể như sau: Ngày 26/8/2013 vay 20.000.000đ, ngày 01/3/2014 vay 15.000.000đ, ngày 19/8/2014 vay 35.000.000đ, các lần vay chị T đều có làm biên nhận. Sau khi vay chị T không trả gốc và không đóng lãi cho ông T. Đến ngày 05/12/2014 anh H có làm tờ cam kết với ông T là thừa nhận nợ gốc 70.000.000đ và tiền lãi từ lúc vay đến ngày cam kết là 7.000.000đ, tổng cộng là 77.000.000đ hứa trả trong vòng 7 tháng. Tuy nhiên, chị T và anh H không trả nợ đúng như cam kết mà trả thành nhiều lần, đến ngày 15/9/2016 (dương lịch) được số tiền là 53.000.000đ, việc trả tiền chị T gửi cho chị T đưa lại cho ông T. Chị T và anh H đều thừa nhận là ngày 05/12/2014 có làm cam kết thiếu ông T tổng cộng 70.000.000đ và lãi 7.000.000đ hẹn trả trong vòng 7 tháng. Việc trả tiền cho ông T chị T đều gửi trực tiếp cho chị T, có lúc thì gửi những người ở xóm đưa cho chị T trả cho ông T, chị T cho rằng đến thời điểm hiện nay chị chỉ còn thiếu lại ông T 1.000.000đ và chị T cho rằng chị T có nhắn tin qua điện thoại của chị, thời gian khoảng tháng 4 năm 2017 nhưng tin nhắn đã xóa.

Ngoài ra có một số người làm chứng biết việc chị T chỉ còn thiếu ông T 1.000.000đ do chị gửi tiền cho những người này gửi cho chị T hoặc nghe chị nói lại. Chị T thừa nhận có nhận tiền do chị T gửi trả ông T mỗi lần nhận bao nhiêu chị đều đem về đưa cho ông T, việc chị T gửi bao nhiêu lần và bao nhiêu tiền chị không nhớ chính xác nhưng lần trả cuối cùng là 1.000.000đ vào ngày 15/9/2016 (dương lịch), mỗi lần chị T gửi trả tiền chị đều đem về đưa ông T để ông T ghi vào sổ để theo dõi, đồng thời chị cũng không có nhắn tin qua điện thoại xác nhận với chị T là chị T chỉ còn nợ lại ông T 1.000.000đ. Qua xác minh những người làm chứng chị T yêu cầu thì chị P, chị D, chị D thừa nhận có nhận một lần tiền chị T gửi đưa chị T gửi trả ông T nhưng không nhớ thời gian cụ thể vì lâu quá, chị T và chị O đều cho rằng có biết việc chị T và anh H nợ ông T nhưng việc trả tiền như thế thì không biết. Chị O chỉ nghe chị T nói lại là chỉ còn thiếu lại ông T 1.000.000đ, không chứng kiến việc chị T trả tiền và chị T cũng không gửi tiền cho chị đưa cho chị T.

Do đó, chị T cho rằng đến thời điểm hiện tại chị chỉ còn thiếu lại ông T 1.000.000đ nhưng chị T và anh H không cung cấp được chứng cứ chứng minh đến thời điểm hiện tại chị chỉ còn nợ ông T số tiền 1.000.000đ nên chấp nhận yêu cầu của ông T là có căn cứ.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi, anh Đ là người đại diện theo ủy quyền của ông T yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất là 0,83%/tháng đối với số tiền 17.000.000đ và

yêu cầu tính lãi từ ngày 15/9/2016 (dương lịch) là phù hợp theo Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên chấp nhận. Cụ thể như sau: Số tiền 17.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 15/9/2016 (dương lịch) đến ngày 23/11/2018 với lãi suất 0,83%/tháng là $17.000.000đ \times 0,83/\text{tháng} \times 26 \text{ tháng} = 3.706.000đ$ (Ba triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn đồng).

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có ra thông báo cho chị T có yêu cầu gì đối với chị T trong vụ này hay không vì chị T cho rằng chỉ còn thiếu lại ông T 1.000.000đ vì chị đã gửi cho chị T trả ông T nhưng chị không cung cấp ý kiến cho Tòa án là có yêu cầu gì đối với chị T hay không, do đó không xem xét giải quyết trong vụ án này. Khi nào chị T có yêu cầu sẽ giải quyết thành một vụ án khác.

Từ những phân tích trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông T đối với anh H và chị T.

[6] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến phát biểu về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm giải quyết vụ án dân sự.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh H và chị T phải liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của ông T được chấp nhận là: $20.706.000đ \times 5\% = 1.035.000đ$ (Một triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

- Ông T không phải nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các Điều 463, 466, 468, 469, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điểm đ, khoản 1 Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Lê Văn T đối với anh Lê Trung H và chị Đặng Thị T.

Buộc anh Lê Trung H và chị Đặng Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Văn T số tiền vay gốc còn thiếu là 17.000.000đ và tiền lãi 3.706.000đ, tổng cộng gốc và lãi là 20.706.000đ (Hai mươi triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Lê Trung H và chị Đặng Thị T phải liên đới nộp 1.035.000đ (Một triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lê Văn T không phải nộp tiền tạm ứng án phí và án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, người yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn anh Lê Trung Hiếu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Hồng Thắm vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hùng Cường